

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 65/2018/HS-PT
Ngày 14 – 11 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Lê Vũ L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Vũ L, sinh năm 1989, tại Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: nhà trọ Q, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trường G và bà Lâm Cẩm H; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại: Chị Tô Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh T, không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/01/2018, bị cáo Lê Vũ L về phòng trọ số 18, nhà trọ Q, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, khi đi

ngang phòng trọ số 02 phát hiện phòng trọ số 02 của chị Tô Thị N, có khóa cửa nhưng không rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, nên bị cáo vào phòng lục soát lấy được số tiền 5.000.000 đồng của chị N để trong túi xách màu xanh trên gác, rồi khóa cửa lại và về phòng trọ của bị cáo.

Một lúc sau, bị cáo đi qua phòng trọ của Nguyễn Thanh T và nói với T, tại phòng của chị N có khóa cửa nhưng còn chìa khóa và rủ T vào tìm tài sản để lấy trộm, T đồng ý và cùng đi đến phòng trọ của chị N, bị cáo và T lục soát trong phòng lấy được 01 thẻ ATM màu xanh của ngân hàng Sacombank do chị N là chủ tài khoản rồi cả hai cùng rời khỏi phòng, khóa cửa lại và ném bỏ chìa khóa (không thu hồi được). Sau đó, bị cáo L cùng với T đến trụ ATM của ngân hàng Sacombank trên đường Trần Phú, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để rút tiền trong tài khoản, nhưng do không biết mật khẩu của thẻ, bị cáo và T không rút được tiền đã ném bỏ thẻ ATM của chị N.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đã chi xài hết 2.640.000 đồng, sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị N đã đến Công an Phường 5, thành phố B trình bày sự việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 8 năm 2018, bị cáo Lê Vũ L kháng cáo xin hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm và đề nghị: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc truy tố, xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, nhưng bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, án sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, án sơ thẩm cũng đã xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ

nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Vũ L thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của chị Tô Thị N, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nên có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/01/2018, bị cáo đã lén lút vào phòng trọ số 02, nhà trọ Q, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do chị N thuê ở, để lấy số tiền 5.000.000 đồng của chị Tô Thị N. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 5.000.000 đồng, được định khung tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan bị cáo.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi phát hiện chị N khóa cửa phòng quên rút chìa khóa thì bị cáo lén vào để lấy trộm được số tiền 5.000.000đ. Tại thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên việc truy tố, xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Trong lúc bị cáo lấy tiền đã phát hiện có 01 thẻ ATM trong túi xách của chị N, nhưng do bị cáo không biết sử dụng, nên ra ngoài gặp và rủ Nguyễn Thanh T tiếp tục vào phòng lấy thẻ ATM và đi rút tiền trong thẻ ATM tại ngân hàng Sacombank, điều đó thể hiện sự quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, do không biết mật khẩu của thẻ ATM nên bị cáo và anh T không rút được tiền trong thẻ, nên hành vi này của bị cáo và anh T chưa đủ căn cứ phạm tội, anh Nguyễn Thanh T không biết bị cáo đã thực hiện hành vi lấy 5.000.000đ trước đó, nên không xử lý hình sự đối với anh T là phù hợp pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn gây tâm lý hoang mang cho những người đang quản lý tài sản hợp pháp của mình, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử nghiêm và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định của pháp luật và phạt bị cáo mức án 03 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp cho Tòa án đơn bãi nại của bị

hại, nhưng tình tiết này không phải tình tiết giảm nhẹ mới, khi giải quyết ở cấp sơ thẩm bị hại cũng đã có đơn bãi nại cho bị cáo nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 là thiếu sót. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt và áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tù, nên dù có áp dụng thêm tình tiết này thì cũng không có căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo, vì bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và liền ngay sau đó lại rủ rê, lôi kéo người khác tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày lý do xin hưởng án treo là do bị cáo đang nuôi dưỡng bà ngoại già yếu, xét thấy lý do này không phải là căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ L; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Lê Vũ L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc

Liêu, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQTHA hình sự thành phố B (01b);
- CQĐT thành phố B (01b);
- VKSND thành phố B (01b);
- TAND thành phố B (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS thành phố B (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (01);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn